

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số M đường C, khóm N, phường 8, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số M đường C, khóm N, phường 8, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số M đường T, khóm H, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị H và ông Phạm Quốc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Phạm Quốc T đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng: Bà Trần Thị H và ông Phạm Quốc T thống nhất thỏa thuận giao ba người con chung tên Phạm Anh T (nữ, sinh ngày

19/01/2005), Phạm Ngọc T (nữ, sinh ngày 17/10/2008) và Phạm Tiến D (nam, sinh ngày 20/8/2019) cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu T và cháu D đủ 18 tuổi, ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Phạm Quốc T đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Phạm Quốc T đều tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007733 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền